

Số 469/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/04/2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy và Thông tư số 17/2017/TT-BLĐT BXH ngày 30/06/2017 của Bộ trưởng BLĐT BXH về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BLĐT BXH ngày 28/9/2015 của Bộ trưởng BLĐT BXH Hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH ngày 30/3/2016 của BGD&ĐT-BLĐT BXH-BTC Hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 và Quyết định 576/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Nghị Quyết số 41/2016/ND-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức thu và sử dụng học phí trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/1998/TT-LB/GD&ĐT-TC-LĐT BXH, ngày 25/8/1998 của Liên Bộ: GD&ĐT-TC- LĐT BXH hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập; Quyết định số 239/1999/QĐ-TTg, ngày 28/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi khoản a, điều I của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và TCXH đối với HSSV các trường đào tạo công lập; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 về điều chỉnh mức trợ cấp xã hội và Thông tư số 13/2002/TTLT/BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người DTTS học tại các cơ sở GDĐT và Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của liên Bộ: GD&ĐT-TC hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: GD&ĐT-BLĐT B&XH-TC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV các trường chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của BGD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với HSSV và Quyết định 751/2017/QĐ-TTg ngày 30/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức cho vay đối với HSSV;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-ĐHHĐ, ngày 12/5/2015 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng đơn vị, đoàn thể liên quan và học sinh, sinh viên hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. CT HSSV ✓

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC

Hoàng Thị Mai

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, sinh viên hệ chính quy tại Trường Đại học Hồng Đức

(Ban hành kèm theo QĐ số 469 /QĐ-ĐHHD ngày 29/3/2019 của Hiệu trưởng)

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước và các văn bản về chế độ chính sách đối với học sinh, sinh viên (HSSV). Trường Đại học Hồng Đức hướng dẫn cụ thể việc thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV hệ chính quy như sau:

I. CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ CON CỦA HỌ

Căn cứ:

- *Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.*

- *Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2015 của Bộ Lao động, Thương binh xã hội Hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.*

*** Thủ tục xin cấp giấy xác nhận** (*thực hiện theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV*).

Vào đầu mỗi học kỳ của năm học, phòng Công tác HSSV (được Hiệu trưởng uỷ quyền) cấp Giấy xác nhận (*Mẫu số 02/UĐGD-Thông tư 36*) cho HSSV hệ chính quy đang học tập tại Trường Đại học Hồng Đức thuộc đối tượng được quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH (HSSV xuất trình Thẻ HSSV, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân để nhận giấy).

II. QUY ĐỊNH VỀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

Căn cứ:

- *Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;*

- *Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo- Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học*

phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

- Quyết định 576/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Nghị Quyết số 41/2016/ND-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức thu và sử dụng học phí trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021.

2.1. Đối tượng không phải đóng học phí (theo Điều 6, Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015)

Đối tượng không phải đóng học phí bao gồm: Học sinh, sinh viên sư phạm.

2.2. Đối tượng được miễn học phí (theo Điều 7, Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015)

a. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005, Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

b. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

c. Trẻ em học mẫu giáo không có nguồn nuôi dưỡng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

d. Trẻ em học mẫu giáo thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

e. Trẻ em học mẫu giáo là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

f. Học sinh, sinh viên học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

g. Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2.3. Đối tượng được giảm học phí (theo Điều 8, Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015)

a. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

- Trẻ em học mẫu giáo thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2.4. Không thu học phí có thời hạn (theo Điều 9, Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015)

Khi xảy ra thiên tai, tùy theo mức độ và phạm vi thiệt hại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định không thu học phí trong thời hạn nhất định đối với trẻ em học mẫu giáo thuộc vùng bị thiên tai.

2.5. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập (theo Điều 10, Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015)

a. Trẻ em học mẫu giáo mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.

b. Trẻ em học mẫu giáo có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

c. Mức hỗ trợ chi phí học tập là 100.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/năm học.

2.6. Thủ tục hồ sơ (thực hiện theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV).

Hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí/hỗ trợ chi phí học tập.

- Bản sao Giấy khai sinh.

- Bản sao công chứng giấy tờ có liên quan đến đối tượng được miễn, giảm học phí (Thẻ thương binh, bệnh binh, Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, Quyết định người khuyết tật...).

III. TRỢ CẤP XÃ HỘI (TCXH)

Căn cứ:

Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 53/1998/TT-LB/GD&ĐT-TC-LĐTĐ&XH, ngày 25/8/1998 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo-Tài chính-Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập; Quyết định số 239/1999/QĐ-TTg, ngày 28/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, sửa đổi khoản a, điều I của Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23/12/1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và TCXH đối với HSSV các trường đào tạo công lập; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2001 về điều chỉnh mức trợ

cấp xã hội; Thông tư số 13/2002/TTLT/BGD&ĐT-BTC ngày 28/3/2002 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg.

3.1. Đối tượng: HSSV hệ chính qui, bao gồm:

a. HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

b. HSSV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.

c. HSSV là người tàn tật, khuyết tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.

d. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã/phường/thị trấn cấp.

3.2. Mức cấp, số tháng cấp, thời gian và thủ tục hồ sơ

a. Mức trợ cấp

- 140.000 đồng/tháng đối với HSSV là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- 100.000 đồng/tháng cho HSSV thuộc diện trợ cấp xã hội còn lại.

b. Trợ cấp xã hội được cấp 12 tháng/năm, chia thành 02 đợt: đợt 1 cấp 04 tháng, từ tháng 9 đến tháng 12 và đợt 2 cấp 08 tháng, từ tháng 01 đến tháng 8 hằng năm.

3.3. Thủ tục hồ sơ (*thực hiện theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV*).

Hồ sơ, gồm:

- Đơn xin hưởng TCXH.

- Bản sao Giấy khai sinh.

- Bản sao công chứng giấy tờ có liên quan đến đối tượng được trợ cấp xã hội (Giấy chứng nhận hộ nghèo, Quyết định người khuyết tật...).

IV. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ NGHÈO VÀ HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ:

- *Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với SV là người DTTS học tại các cơ sở GDĐT.*

- *Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của liên Bộ: GD&ĐT, Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg.*

4.1. Đối tượng và điều kiện được hưởng chính sách

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo từng thời kỳ;

- Thi đỗ vào học ĐH, CĐ hệ chính quy vào Trường Đại học Hồng Đức tại năm tham dự tuyển sinh theo đúng quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập không áp dụng đối với SV: cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học ĐH, CĐ sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

4.2. Mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng 10 tháng/năm học/SV, chia làm 2 đợt: đợt 1 từ tháng 9 đến tháng 12, đợt 2 từ tháng 01 đến tháng 06 hằng năm; số năm được hưởng hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian đào tạo chính thức.

4.3. Thủ tục hồ sơ (thực hiện theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV)

Hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (dùng cho SV là người dân tộc thiểu số thuộc HN hoặc HCN).
- Bản sao Giấy khai sinh.
- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

V. HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA PHƯƠNG TIỆN, ĐỒ DÙNG HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN LÀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO.

Căn cứ:

- Luật Người khuyết tật (Luật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam);
- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;
- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ: GD&ĐT, LĐTB&XH, TC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.

5.1. Đối tượng: HSSV hệ chính quy là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5.2. Mức học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập

HSSV là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang học tập tại Trường Đại học Hồng Đức được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ, được cấp 10 tháng/năm học và được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000

đồng/người/năm học (Nhà trường thực hiện cấp 2 lần/năm học: lần 1 từ tháng 9 đến tháng 12; lần 2 từ tháng 01 đến tháng 6 hàng năm).

5.3. Thủ tục hồ sơ (thực hiện theo Quy trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV)

Hồ sơ, gồm:

- Đơn đề nghị cấp tiền học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập.

- Bản sao Giấy khai sinh.

- Bản sao công chứng Giấy xác nhận khuyết tật, Quyết định trợ cấp hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước.

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

VI. HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP (HB KKHT)

Căn cứ:

- Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT về HB KKHT đối với HSSV trong các trường chuyên nghiệp, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục ĐH và TCCN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng BGD&ĐT sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về HBKKHT đối với HSSV trong các trường chuyên nghiệp, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và TCCN thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

6.1. Quỹ học bổng khuyến khích học tập

Quỹ HB KKHT được bố trí tối thiểu bằng 8% tổng nguồn thu học phí hệ giáo dục chính quy. Đối với các ngành sư phạm (không phải đóng học phí) thì quỹ học bổng được trích tối thiểu bằng 8% từ nguồn học phí khi được Nhà nước cấp bù.

6.2. Đối tượng và tiêu chuẩn xét cấp học bổng khuyến khích học tập

6.2.1. Đối tượng: HSSV hệ chính quy.

6.2.2. Tiêu chuẩn

a. HSSV có kết quả học tập từ loại khá trở lên: Điểm B (2.50 trở lên) với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, từ điểm 7.00 trở lên với hình thức đào tạo theo niên chế; lấy điểm thi lần 1 các môn học theo đúng chương trình đào tạo, không có học phần/ môn thi nào dưới điểm 5.0 và kết quả rèn luyện từ loại khá trở lên (trừ các môn học giáo dục quốc phòng). Riêng học phần tiếng Anh phải được đăng ký học tập theo đúng chương trình đào tạo; nếu SV đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra thì sẽ được quy đổi sang điểm học tập của các học phần tương ứng để xét học bổng KKHT của 01 học kỳ.

b. HSSV đào tạo theo hệ thống tín chỉ phải đạt tối thiểu 15 tín chỉ /học kỳ, trừ học kỳ I đối với SV năm thứ Nhất và học kỳ cuối khóa. Đối với HSSV đã đạt chuẩn tiếng Anh thì số tín chỉ được xác định bằng 15 tín chỉ trừ số tín chỉ của học phần tiếng Anh tương ứng trong học kỳ đó.

c. Trong học kỳ xét cấp HB KKHT không bị hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên (kể cả vi phạm quy chế thi, kiểm tra).

d. Số suất HB được xác định với số lượng không quá 7% tổng số HSSV theo ngành học, khoá học (chỉ tính số chẵn); nếu phần thập phân từ 0,5 trở lên thì làm tròn thêm 1 suất; nếu có từ 2 HSSV trở lên trùng điểm thì suất HB cuối cùng được chia đều cho các HSSV trùng điểm; nếu số lượng HSSV đạt loại khá trở lên cao hơn số suất HB KKHT thì việc xét, cấp thực hiện theo thứ tự từ điểm cao xuống thấp, đến khi hết số suất HB đã xác định.

6.3. Mức học bổng khuyến khích học tập

a. Học bổng loại xuất sắc: HSSV có kết quả học tập đạt loại xuất sắc (điểm TBCHT: tín chỉ: 3.60 trở lên; niên chế: 9.00 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại xuất sắc (90-100).

b. Học bổng loại giỏi: HSSV có kết quả học tập đạt loại giỏi (điểm TBCHT: tín chỉ: từ 3.20 đến 3.59; niên chế: từ 8.00 đến 8.99) và kết quả rèn luyện xếp loại tốt trở lên. Hoặc kết quả học tập đạt loại xuất sắc (điểm TBCHT: tín chỉ: 3.60 trở lên; niên chế: 9.00 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại tốt.

c. Học bổng loại khá: HSSV có kết quả học tập đạt loại khá (điểm TBCHT: tín chỉ: từ 2.50 đến 3.19; niên chế: từ 7.00 đến 7.99) và kết quả rèn luyện được xếp loại khá trở lên. Hoặc kết quả học tập đạt loại xuất sắc hay giỏi (điểm TBCHT: tín chỉ: 3.20 trở lên; niên chế: từ 8.00 trở lên) và kết quả rèn luyện xếp loại khá.

*** Ghi chú:**

Đối với sinh viên các ngành Sư phạm đào tạo chất lượng cao mức HB KKHT thực hiện theo Quyết định của Hiệu trưởng; mức cấp HB KKHT thay đổi theo từng năm học.

6.4. Thời gian, hồ sơ xét cấp học bổng khuyến khích học tập (thực hiện theo qui trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV)

- HB KKHT được thực hiện theo học kỳ, mỗi học kỳ cấp 5 tháng và cấp 10 tháng/năm học.

- Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của HSSV, lớp, khoa tổ chức họp xét cấp HB KKHT, hồ sơ bao gồm:

- Cấp lớp: Biên bản họp lớp và danh sách HSSV đề nghị xét cấp HB KKHT (lưu tại khoa).

- Cấp khoa:

+ Biên bản họp xét cấp HB KKHT.

- + Thống kê số lượng HSSV đề nghị xét cấp HB KKHT theo lớp, ngành học.
- + Danh sách HSSV đề nghị xét cấp HB KKHT học kỳ-xếp thứ tự theo lớp, ngành đào tạo và đạt tiêu chuẩn về điểm học tập, rèn luyện từ cao đến thấp).

(Hồ sơ xét cấp HB KKHT khoa gửi về Nhà trường qua phòng Công tác HSSV tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định).

VII. Học bổng tài trợ

7.1.. Học bổng tài trợ là học bổng của các cá nhân, tổ chức cấp cho HSSV thông qua Nhà trường

Tiêu chuẩn, số suất, giá trị mỗi suất, thời gian và thủ tục nhận học bổng do nhà tài trợ quy định.

7.2. Thực hiện cấp học bổng tài trợ

- Hằng năm, Hội khuyến học Nhà trường, phòng Công tác HSSV, Đoàn TN, Hội SV nhận thông báo học bổng trực tiếp từ các cá nhân, tổ chức và đơn vị tài trợ, hoặc nhận gián tiếp thông qua các tổ chức, đơn vị trong trường. Căn cứ yêu cầu của nhà tài trợ, tiến hành phân bổ chỉ tiêu học bổng tài trợ cho các khoa và hướng dẫn lập hồ sơ xin cấp học bổng tài trợ.

- Các khoa, Liên chi đoàn, Liên chi hội căn cứ yêu cầu của nhà tài trợ để xét chọn và lập hồ sơ gửi về Hội khuyến học Nhà trường qua Phòng Công tác HSSV để tổng hợp và gửi cho các cá nhân, tổ chức và đơn vị tài trợ ra quyết định.

- Nhà trường tổ chức để các cá nhân, nhà tài trợ trao học bổng cho HSSV vào thời gian thích hợp.

7.3. Quản lý nguồn tài trợ

Mọi nguồn học bổng tài trợ đều được tổng hợp và báo cáo Hội khuyến học Nhà trường. Khi có quyết định và danh sách HSSV nhận học bổng tài trợ, các đơn vị, đoàn thể tổ chức trao cho HSSV.

7.4. Thủ tục hồ sơ (thực hiện theo qui trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV)

Thực hiện theo yêu cầu của Nhà tài trợ và Hội khuyến học tỉnh Thanh Hóa, Hội khuyến học Nhà trường.

VIII. TÍN DỤNG ĐÀO TẠO

Căn cứ:

- *Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với HSSV.*

- *Hướng dẫn số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 của Ngân hàng Chính sách xã hội Hướng dẫn thực hiện cho vay đối với HSSV theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ.*

- *Quyết định 751/2017/QĐ-TTg ngày 30/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức cho vay đối với HSSV.*

8.1. Đối tượng được vay vốn

Đối tượng được vay vốn là HSSV có hoàn cảnh khó khăn đang theo học tại Trường Đại học Hồng Đức, cụ thể:

- HSSV mồ côi cả cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động;

- HSSV thuộc hộ nghèo, hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người có hộ gia đình nghèo.

- HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.

8.2. Điều kiện được vay vốn

HSSV thuộc đối tượng nêu trên được vay vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay;

- HSSV năm nhất vừa trúng tuyển đại học phải có Giấy báo trúng tuyển của trường;

- HSSV từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

8.3. Mức vốn và lãi suất cho vay năm 2018

- *Mức vốn:* Năm 2007, Thủ tướng ấn định mức vốn cho vay tối đa là 800.000 đồng/tháng/sinh viên. Đến nay, do chính sách học phí thay đổi và giá cả sinh hoạt biến động, mức vốn vay này đã được điều chỉnh tăng dần. Cụ thể, năm 2018, mức vốn cho vay là **1,5 triệu đồng/tháng/sinh viên** (theo Quyết định 751/QĐ-TTg năm 2017).

- *Lãi suất:* Lãi suất cho vay đối với sinh viên hiện nay là 0,55%/tháng (theo Quyết định 750/QĐ-TTg năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ).

8.4. Thủ tục vay vốn

Theo Hướng dẫn số 2162A/NHCS-TD của Ngân hàng Chính sách xã hội, HSSV vay vốn viết Giấy đề nghị cho vay vốn theo mẫu kèm theo Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo trúng tuyển gửi cho Tổ tiết kiệm và vay vốn tại UBND cấp xã. Tổ này sẽ họp để bình xét cho vay, sau đó gửi Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận.

Sau khi có xác nhận, toàn bộ hồ sơ đề nghị vay vốn của HSSV sẽ được gửi cho Ngân hàng Chính sách xã hội để làm thủ tục phê duyệt cho vay.

Ngân hàng Chính sách giải ngân vốn vay một năm 2 lần vào các kỳ học. Đến kỳ vay, HSSV hoặc người nhà mang Chứng minh nhân dân đến điểm giao dịch của Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận tiền vay.

8.5. Thời hạn trả nợ

HSSV phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên ngay sau khi có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng, kể từ ngày HSSV kết thúc khóa học.

8.6. Thủ tục hồ sơ (thực hiện theo qui trình thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV)

Vào đầu mỗi học kỳ, năm học, HSSV đang học tập tại Trường Đại học Hồng Đức thuộc đối tượng, có nhu cầu xin xác nhận để vay vốn tín dụng đăng ký với khoa theo lớp nộp về nhà trường qua phòng Công tác HSSV; căn cứ danh sách đề nghị cấp giấy xác nhận vay vốn, Nhà trường sẽ tổ chức cấp giấy xác nhận cho HSSV hoặc HSSV có thể xuất trình Thẻ HSSV, chứng minh nhân dân/căn cước công dân để nhận giấy xác nhận trực tiếp tại phòng Công tác HSSV).

9. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Trong trường hợp cùng lúc HSSV thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ chính sách thì HSSV chỉ được hưởng một chế độ chính sách cao nhất.

- Hướng dẫn này được thực hiện từ học kỳ 2, năm học 2018-2019. Các văn bản trước đây trái với Hướng dẫn này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tập thể và cá nhân phản ánh về Nhà trường qua phòng Công tác HSSV để tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. CT HSSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Hoàng Thị Mai